SACOMBANK

QUY ĐỊNH VỀ PHÍ, PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Hiệu lực 09/04/2026)

I. PHÍ TRẢ NỢ/TẤT TOÁN TRƯỚC HẠN: (chưa VAT)

1. **Mức phí áp dụng**:

   a. **Tại quầy giao dịch**: áp dụng cho phương thức vay từng lần tính lãi theo dư nợ giảm dần.

   - Khoản vay **ngắn hạn**: từ **2% x** số vốn gốc trả nợ/thanh lý trước hạn.
   - Khoản vay **trung dài hạn**:

Thời điểm tất toán khoản vay	Năm 1	Năm 2	Từ năm thứ 3 trở đi
Mức phí	**Từ 3%**		**Từ 2%**

   - **Mức phí tối thiểu: 200.000 đồng**

   b. **Trên kênh online:**

   - Áp dụng cho phương thức vay từng lần, lãi tính trên dư nợ giảm dần.
   - Mức phí thu: mặc định theo quy định mục a và thu phí tối thiểu 50.000 VND.

     Các sản phẩm vay online:

     ✓ Vay tín chấp từ lương: miễn phí.

     ✓ Vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng: Mức phí = 2% x (nhân) số vốn gốc trả nợ trước hạn.

   c. **Các khoản vay ưu đãi/đặc thù:** theo quy định riêng của từng cơ chế và thỏa thuận cụ thể trên HĐTD giữa SACOMBANK và khách hàng.

2. **Cách tính: Phí trả nợ/thanh lý trước hạn** = Mức phí x (nhân) số vốn gốc trả nợ/thanh lý trước hạn.

3. **Nguyên tắc áp dụng:**

   a. **Khoản vay theo phương thức tính lãi theo dư nợ giảm dần:** thu phí tại mục 1 nêu trên.

   b. **Khoản vay theo phương thức tính lãi trên dư nợ ban đầu:** tất toán/trả nợ trước hạn thu phí như sau:

   - **Bước 1: thu đủ lãi** tròn kỳ của kỳ tất toán.
   - **Bước 2: thu phí** bằng chênh lệch thu lãi giữa phương thức tính lãi trên dư nợ ban đầu và trên dư nợ giảm dần.

   Quy định thu phí khoản vay theo phương thức tính lãi trên dư nợ ban đầu:

   i. Đối với các hợp đồng có quy định cụ thể mức phí, thu phí theo thỏa thuận. Đối với hợp đồng quy định "theo quy định hiện hành", áp dụng mức lãi suất tại mục (ii) bên dưới.

   ii. Lãi suất giảm dần được xác định bằng công thức:

$$L = \frac{2n.a}{(n+1)}$$

   Trong đó:

   L: là lãi suất thực tế của khoản cho vay tính theo dư nợ giảm dần (%/năm)

   n: là thời hạn cho vay của khoản cho vay (tháng)

   a: là lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà Bên vay phải trả cho SACOMBANK (%/năm)

SACOMBANK

II. PHẠT CHẬM TRẢ LÃI VAY

1. **Phương thức tính lãi dư nợ giảm dần:**
   - **Lãi chậm trả:** áp dụng khi khách hàng không thanh toán lãi trong hạn đúng hạn.
   - **Lãi chậm trả = Số dư lãi chậm trả x lãi suất chậm trả (%/năm)/365 x số ngày chậm trả lãi.**
     Trong đó:
     - Lãi suất chậm trả: **10%/năm.**
     - Ngày chậm trả = Ngày thanh toán – ngày trả lãi định kỳ đã thỏa thuận trên hợp đồng.
2. **Phương thức tính lãi dư nợ ban đầu:** kỳ trễ hạn tính tròn tháng, mức thu là 100.000 VNĐ/kỳ nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
3. **Khách hàng đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi vay quá hạn và trong thời hạn thử thách để chuyển nhóm nợ:** thu lãi đối với dư nợ gốc theo lãi suất trên Hợp đồng tín dụng và không thu thêm phạt chậm trả đối với số dư nợ gốc.
4. **Phạt chậm trả lãi đối với nợ quá hạn:** mức phạt chậm trả lãi 10%/năm.
5. **Các sản phẩm vay online**: **Vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng**: Mức phí chậm trả: 3% x (nhân) Số tiền (gốc + lãi) thanh toán hàng tháng; tối thiểu 100.000 đồng; tối đa 300.000 đồng.

III. PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN VAY: (Chưa VAT)

1. **Mức phí:**

Thời gian rút vốn/ sử dụng dịch vụ	Mức phí
≤ 6 tháng	Tối thiểu **0.04%** x (nhân) Số tiền cam kết cho vay/cấp tín dụng: - Số tiền phí tối thiểu **1.000.000 VNĐ.** - Số tiền phí tối đa **100.000.000 VNĐ**.
> 6 tháng	Thu thêm 10% so với mức phí đối với **Thời gian rút vốn/sử dụng dịch vụ ≤ 6 tháng**

2. **Thời điểm thu phí:** thu phí sau khi giải ngân cho khách hàng.
3. **Các sản phẩm vay online:**
   Vay tín chấp từ lương trên kênh SACOMBANK PAY: 2% x (nhân) số tiền cho vay, tối thiểu 100.000 đồng, tối đa 300.000 đồng.